

Bản án số: 67/2019/HS-ST

Ngày: 25 - 12 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Công

Ông Phạm Văn Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2019/TLST - HS, ngày 02 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2019/QĐXXST – HS, ngày 10 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

- Lê Thanh H, sinh năm 1983 (Có mặt).

Nơi cư trú: Khóm 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp không; trình độ học vấn lớp 6; dân tộc kinh; quốc tịch Việt Nam; tôn giáo không; con ông Lê Tấn C và con bà Bùi Thị N; vợ Hoàng Thị Kiều T, sinh năm 1986 (đã ly hôn); con có 01 người, sinh năm 2005; tiền án không; tiền sự 02, vào ngày 22/11/2017 Lê Thanh H bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng đến ngày 19/4/2019 chấp hành xong và ngày 27/8/2019, Lê Thanh H bị Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; tạm giữ ngày 17/9/2019; tạm giam từ ngày 26/9/2019 cho đến nay.

- *Người giám hộ cho bị cáo Lê Thanh H:* Bà Bùi Thị N, sinh năm 1952 (Có mặt); nơi cư trú ấp L, xã N, huyện C, Trà Vinh.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thanh H:* Luật sư Trương Hoàng P - Trưởng Văn phòng luật sư Trương Hoàng P thuộc đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

- *Người bị hại:* Bà Phạm Thị Ngọc Y, sinh năm 1995 (Yêu cầu xét xử vắng mặt); nơi cư trú khóm 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phùng Văn T, sinh năm 1991 (Yêu cầu xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: Khóm 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
2. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1952 (Có mặt)
Nơi cư trú: Ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh
3. Ông Phùng Văn C, sinh năm 1953 (Yêu cầu xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: Khóm 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh
4. Ông Lương Văn H (tên gọi là S), sinh năm 1990 (Vắng mặt bỏ địa phương); nơi cư trú: Số 471, khóm 3, phường 6, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 20 phút, ngày 05/9/2019, Lê Thanh H đi bộ đến nhà bà Phạm Thị Ngọc Y, sinh năm 1995, tọa lạc khóm 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì phát hiện một xe mô tô biển kiểm soát 84L1 – 498.00, nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu sơn đen xám, số máy JF86E2012781, số khung RLHJF5836JY012736 đang dựng trước cửa nhà không có người trông coi và có sẵn khóa nguồn trên xe. Đây là tài sản của bà Phạm Thị Ngọc Y và chồng là ông Phùng Văn T, sinh năm 1991. Lúc này, Lê Thanh H tiếp cận và dẫn xe ra khỏi khu vực nhà của bà Phạm Thị Ngọc Y, mở khóa nguồn xe và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84L1 – 498.00 đến thành phố T gặp một người bạn tên Lương Văn H, sinh năm 1990, nơi cư trú: số 471, khóm 3, phường 6, thành phố T, tỉnh Trà Vinh và nhờ H cầm xe với số tiền 10.000.000 đồng, H cầm được xe và đưa cho H 9.000.000 đồng, trừ tiền công cầm xe 1.000.000 đồng. Số tiền có được H chơi game bắn cá, ăn uống còn lại số tiền 5.930.000 đồng, H đem về phòng ngủ của mình cất giữ.

Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thu giữ và trao trả cho Phạm Thị Ngọc Y và Phùng Văn T xe mô tô biển kiểm soát số 84L1 – 498.00 và quản lý số tiền 5.930.000 đồng.

Tại kết quả giám định pháp y số: 245/2019/KL.GĐTC, ngày 01/11/2019 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ kết luận:

Về y học: Trước, trong, sau khi phạm tội và hiện tại: Đang sự có bệnh lý tâm thần: Rối loạn nhân cách, hành vi do sử dụng chất gây ảo giác.

Về năng lực: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại: Đang sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần.

Về trách nhiệm hình sự: Tại thời điểm phạm tội và hiện tại: Đang sự có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhưng do có bệnh lý tâm thần làm hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 862/KL.ĐGTS, ngày 09/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh kết luận: xe mô tô biển kiểm soát số 84L1 – 498.00 nhãn hiệu Honda, số loại Vision, màu sơn đen

xám, số máy JF86E2012781, số khung RLHJF5836JY012736 của bà Phạm Thị Ngọc Y và ông Phùng Văn T tại thời điểm bị chiếm đoạt, trị giá 30.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 68/CT -VKSC/L, ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Lê Thanh H, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Thanh H, hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện C và thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Vào khoảng 20 giờ 20 phút, ngày 05/9/2019, tại nhà của bà Phạm Thị Ngọc Y và ông Phùng Văn T, tọa lạc khóm 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, Lê Thanh H lấy trộm 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 84L1 – 498.00, trị giá 30.000.000 đồng.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Lê Thanh H từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 02 (Hai) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian chấp hành án được tính từ ngày tạm giữ là ngày 17 tháng 9 năm 2019. Ngoài ra vị còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Lê Thanh H: Vị hoàn toàn thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố đối với bị cáo Lê Thanh H. Tuy nhiên vị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Thanh H như sau: Sau khi phạm tội bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã được thu hồi và gia đình bị cáo khắc phục toàn bộ thiệt hại để trả lại cho người bị hại, bản thân bị cáo bị bệnh HIV, hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần, người bị hại tên Phạm Thị Ngọc Y xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có nhiều người thân tham gia Cách mạng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vị đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Qua quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo, người bào chữa, người giám hộ cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo Lê Thanh H xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử

là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Đồng thời việc vắng mặt của người bị hại bà Phạm Thị Ngọc Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phùng Văn T và ông Phùng Văn C, đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa, người giám hộ cho bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đồng thời thống nhất với bản kết luận định giá tài sản số: 862/KL.ĐGTS, ngày 09/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Trà Vinh. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Lời nhận tội của bị cáo Lê Thanh H tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh thu thập có được.

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C quyết định truy tố bị cáo Lê Thanh H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp với qui định của pháp luật, không oan, không sai.

[4]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thanh H là nguy hiểm cho xã hội; bởi vì, tài sản của công dân bao gồm tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, xe máy... là do quá trình lao động tích lũy mới có được. Bị cáo Lê Thành H là người có đủ sức khỏe lao động tạo ra nguồn thu nhập, phục vụ nhu cầu cuộc sống bản thân và gia đình, nhưng bị cáo không lo chí thú làm ăn, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại bà Phạm Thị Ngọc Y và ông Phùng Văn T một xe mô tô biển kiểm 84L1 – 498.00, trị giá 30.000.000 đồng.

[5]. Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, thiệt hại tài sản đã xảy ra không lớn đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, nhưng bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ tham lam, tư lợi, để có tiền tiêu xài cá nhân đã dẫn bị cáo phạm tội. Trong khi đó bị cáo có hai tiền sự là ngày 22/11/2017 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng và ngày 27/8/2019, bị Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; đồng thời bản thân bị cáo có nhân thân rất xấu như: Ngày 23/12/1999 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh đưa đi cơ sở giáo dục là 24 tháng, ngày 24/01/2002 bị Ủy ban nhân dân huyện C đưa đi cơ sở giáo dục 24

tháng và ngày 08/7/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xử phạt 08 năm tù về tội cướp tài sản. Đáng lẽ ra bị cáo phải biết ăn năn hối cải, sửa chữa để trở thành người tốt nhưng bị cáo tiếp tục vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thanh H thể hiện ý thức rất xem thường pháp luật, thuộc thành phần khó cải tạo, đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương mà còn gây hoang mang trong đời sống của quần chúng nhân dân.

[6]. Tình hình trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C thời gian gần đây xảy ra liên tục trên các tuyến đường nhựa, đường nông thôn gây bức xúc trong nhân dân. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần lên cho bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét: Sau khi phạm tội bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã được thu hồi và gia đình bị cáo khắc phục toàn bộ thiệt hại để trả lại cho người bị hại, bản thân bị cáo bị bệnh HIV, hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần, người bị hại tên Phạm Thị Ngọc Y có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có nhiều người thân tham gia cách mạng như ông Bùi Văn A, ông Bùi Văn T và ông Bùi Văn H là liệt sĩ, hoàn cảnh gia đình có phần đơn chiếc, khó khăn. Đây là những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Do đó ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với hành vi của Lương Văn H được Lê Thanh H đưa xe mô tô biển kiểm soát số 84L1 – 498.00 đi cầm, xe do Lê Thanh H trộm mà có, Cơ quan điều tra chưa làm việc được nên chưa xử lý.

[7]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tài sản đã được thu hồi trả lại và bồi thường thiệt hại cho người bị hại, nên người bị hại không yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- Tiền Việt Nam 5.930.000 đồng, do gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền chuộc xe lại cho người bị hại, nên trả lại cho gia đình bị cáo là bà Bùi Thị N;

- 01 (một) áo sơ mi nam dài tay sọc ca rô nền màu xanh đen sọc trắng, mặt trong cổ áo có chữ SAED; 01 (một) nón kết nam màu đen; 01 (một) quần lửng nam màu nâu, phía trên túi quần sau bên phải có chữ TAILORED trên nền vải màu đen hình chữ nhật là tài sản của cá nhân bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho bị cáo Lê Thanh H.

[9]. Về án phí: Bị cáo Lê Thanh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thanh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ Điều 260; 268 và Điều 269 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 173; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ là ngày 17 tháng 9 năm 2019.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tài sản đã được thu hồi trả lại và bồi thường thiệt hại cho người bị hại, nên người bị hại không yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Giao trả cho gia đình bị cáo là bà Bùi Thị N số tiền 5.930.000 đồng.

- Giao trả cho bị cáo Lê Thanh H: 01 (một) áo sơ mi nam dài tay sọc ca rô nền màu xanh đen sọc trắng, mặt trong cổ áo có chữ SAED; 01 (một) nón kết nam màu đen; 01 (một) quần lửng nam màu nâu, phía trên túi quần sau bên phải có chữ TAILORED trên nền vải màu đen hình chữ nhật, tài sản đã qua sử dụng.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Bị cáo Lê Thanh H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, người bào chữa, người giám hộ cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị N có mặt tại phiên tòa được biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Riêng người bị hại bà Phạm Thị Ngọc Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Văn T, ông Phùng Văn C và ông Lương Văn H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú.

(Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện C;
- Công an huyện C;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mến